

Translate the following sentences

1. 作家 = zuò jiā

对

错

2. 胖 = pàng

对

错

3. 电邮 = diàn yóu

对

错

4. 认识 == rèn shí

对

错

5. 就 =jiú

对

错

6. 拍照 = pāi zhào

对

错

7. 结婚 = jiè hūn

对

错

8. 伯伯 = bó bo

对

错

9. 主妇 = zhǔ fū

对

错

10. 会计师 = huì jì shī

对

错